|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**QUY ĐỊNH**

**Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

**và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND*

*ngày  tháng  năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, cống và kiên cố kênh hóa mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định áp dụng đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh như sau:**

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước

a) Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước ở địa bàn các xã thuộc huyện Nam Đông, A Lưới, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ.

b) Hỗ trợ 70% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước ở địa bàn các xã, phường, thị trấn còn lại.

2. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cống nội đồng

a) Đối với các xã thuộc huyện Nam Đông và A Lưới, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ: Hỗ trợ tối đa 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng), mức hỗ trợ không quá 180 triệu đồng/công trình.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ tối đa 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng), mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/công trình.

4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kiên cố hóa kênh mương

a) Đối với các xã thuộc huyện Nam Đông và A Lưới, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ: Hỗ trợ tối đa 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng), mức hỗ trợ không quá 720 triệu đồng/1km chiều dài kênh.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ tối đa 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng), mức hỗ trợ không quá 560 triệu đồng/1km chiều dài kênh.

5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện: Hỗ trợ tối đa 40% giá trị mua máy móc, thiết bị đầu tư xây dựng), mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/công trình.

**Điều 4. Điều kiện hỗ trợ**

Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện hỗ trợ cho từng loại công trình được quy định tại Khoản 2, Điều 4 và Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019.

**Điều 5. Nguồn vốn hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ**

1. Nguồn vốn hỗ trợ được thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019.

2. Cơ chế hỗ trợ được thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019.

3. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ được thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 6. Trách nhiệm của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a)Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

b) Phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chính sách.

c) Theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp, báo cáo tiến độ, lập kế hoạch hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện chính sách công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước hàng năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán; tổng hợp và quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan cân đối nguồn ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo Quy định này vào dự toán cấp huyện hàng năm;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn: Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, và các nguồn vốn khác để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các thủ tục đất đai xây dựng công trình thủy lợi trong quá trình thực hiện Quy định này.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, giám sát, phối hợp tổ chức thực hiện Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

a) Phổ biến, quán triệt Quy định này đến các tổ chức và cá nhân có liên quan hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này;

b) Chủ động bố trí ngân sách cấp huyện, tùy theo khả năng cân đối ngân sách để quyết định hỗ trợ cho phù hợp;

c) Xây dựng kế hoạch hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bố kinh phí để thực hiện. Cân đối, giao kế hoạch và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ hàng năm cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn để triển khai thực hiện;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này; Lập kế hoạch hằng năm trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp; thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ; tổ chức thẩm định và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ theo quy định; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương; định kỳ hằng quý, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

e) Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng quy định hiện hành;

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này;

b) Lập kế hoạch hằng năm trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp;

c) Thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh cấp xã để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện;

d) Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ; tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ theo quy định;

đ) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định;

e) Định kỳ hằng quý tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ

a) Lập hồ sơ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để thẩm định và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |